CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Lộc Ninh, ngày 09 tháng 02 năm 2021

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

Số: 01/2021/HĐTV- KSTK

GÓI THẦU LẬP NHIỆM VỤ KHẢO SÁT, KHẢO SÁT, LẬP THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG – DỰ TOÁN

DỰ ÁN: NÂNG CẤP ĐƯỜNG 13B TỪ NGÃ 3 CHIU RIU ĐẾN CÁC DỰ ÁN ĐIỆN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI VÀ NHÁNH RẼ X16

GIỮA

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN LỘC NINH

VÀ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM PHƯỚC

Lộc Ninh, năm 2021

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn Nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3167/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Nâng cấp đường 13B từ ngã 3 Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16;

Căn cứ Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND huyện về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Lập nhiệm vụ khảo sát, khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công – dự toán thuộc dự án: Nâng cấp đường 13B từ ngã 3 Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16,

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 09 tháng 02 năm 2021 tại Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Lộc Ninh, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1.Đại diện chủ đầu tư (Bên A):

Tên giao dịch: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Lộc Ninh.

- Đại diện: ông **Nguyễn Văn Hùng** - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.
- Số tài khoản: 9552.2.7867359 tại KBNN Lộc Ninh.
- Số điện thoại: 02713.568321; Mã số thuế: 3800641784.

2. Đại diện Nhà thầu (Bên B):

Tên giao dịch: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Nam Phước.

- Người đại diện: ông **Nguyễn Hữu Diệp** - Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ: Tổ 15, Khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.
- Điện thoại số: 0335 185 209.
- Tài khoản số: 5604201003095 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – CN huyện Lộc Ninh Tây Bình Phước.
- Mã số thuế: 3801128568.
- Giấy đăng ký kinh doanh: 3801128568, đăng ký lần đầu ngày 25/7/2016 thay đổi lần thứ 3 ngày 14/11/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.

Các bên thống nhất thỏa thuận như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1.1. Chủ đầu tư là : Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng huyện Lộc Ninh.

1.2. Nhà thầu là: Công ty THHH Tư vấn Xây dựng Nam Phước.

1.3. Dự án là công trình: Nâng cấp đường 13B từ ngã 3 Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16.

1.4. Gói thầu là : Lập nhiệm vụ khảo sát, khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công -- dự toán.

1.5. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 2.

1.6. Đơn dự thầu là đề xuất của nhà thầu có ghi giá trị dự thầu để thực hiện công việc theo đúng các yêu cầu của hồ sơ yêu cầu gói thầu trên.

1.7. Bên là chủ đầu tư hoặc nhà thầu tuỳ theo hoàn cảnh cụ thể.

1.8. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.9. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.10. Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng].

1.11. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

a) Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;

b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc Điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;

c) Điều kiện chung của hợp đồng;

d) Hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu của bên giao thầu;

đ) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;

e) Hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất của bên nhận thầu;

g) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;

h) Các phụ lục của hợp đồng;

i) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 3. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc khảo sát, lập hồ sơ thiết kế BVTC -DT

1. Đối với công tác khảo sát:

1.1. Lập nhiệm vụ khảo sát, lập phương án kỹ thuật khảo sát.

Phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng còn phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với nhiệm vụ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt;

b) Tuân thủ các tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng được áp dụng.

1.2.Thực hiện các công việc khảo sát theo đúng nhiệm vụ, phương án khảo sát đã được chủ đầu tư phê duyệt, tiêu chuẩn, quy chuẩn, các yêu cầu kỹ thuật. Lập báo cáo kết quả khảo sát.

1.3. Nhà thầu cung cấp sản phẩm của Hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng bao gồm:

a) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng, đề cương nhiệm vụ khảo sát bước thiết kế bản vẽ thi công.

b) Các bản vẽ, kết quả thực hiện các hạng mục công việc theo yêu cầu của Đề cương và dự toán chi phí khảo sát, lập hồ sơ thiết kế BVTC – DT.

2. Đối với công tác thiết kế bản vẽ thi công – dự toán:

2.1. Đề xuất nhiệm vụ khảo sát xây dựng phục vụ thiết kế.

2.2. Đề xuất của nhà thầu đối với công việc thiết kế, lập bản vẽ thi công và dự toán chưa được chủ đầu tư đưa vào hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu.

2.3. Nghiên cứu tài liệu về thuyết minh, thiết kế cơ sở, báo cáo kết quả khảo sát xây dựng, các số liệu bổ sung về khảo sát xây dựng; khảo sát hiện trường.

2.4. Thiết kế công trình phù hợp với bước thiết kế trước, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình, đảm bảo sản phẩm tư vấn xây dựng (thuyết minh, các bản vẽ, dự toán) phù hợp với dự án đầu tư xây dựng công trình được duyệt và quy định của pháp luật về xây dựng.

2.5. Tham gia các cuộc họp có liên quan tới sản phẩm tư vấn xây dựng khi chủ đầu tư yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện.

2.6. Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành công việc, hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư.

2.7. Giám sát tác giả và làm rõ thiết kế, sửa đổi thiết kế (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng công trình.

Điều 6: Giám sát tác giả.

Nhà thầu phải cử người đủ năng lực để thực hiện việc giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình, cụ thể như sau:

1. Đối với công tác khảo sát:

1.1. Nhà thầu có trách nhiệm giải thích và làm rõ các tài liệu khảo sát công trình cho chủ đầu tư, các nhà thầu khác để quản lý và thi công theo đúng thiết kế.

1.2. Sửa đổi hồ sơ khảo sát đối với những nội dung chưa phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện thực tế của công trình.

1.3. Trong quá trình thi công, nếu kết quả khảo sát chưa phản ánh đúng hiện trạng, phải điều chỉnh lại so với kết quả khảo sát ban đầu, người giám sát tác giả của nhà thầu tư vấn có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị tư vấn khác và chủ đầu tư để điều chỉnh hồ sơ thiết kế.

2. Đối với thiết kế bản vẽ thi công – dự toán:

2.1. Nhà thầu có trách nhiệm giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế công trình cho chủ đầu tư, các nhà thầu khác để quản lý và thi công theo đúng thiết kế.

2.2. Sửa đổi thiết kế đối với những nội dung chưa phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện thực tế của công trình.

2.3. Khi phát hiện thi công sai với thiết kế, người giám sát tác giả phải ghi nhật ký giám sát và yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện đúng thiết kế. Trong trường hợp không khắc phục được nhà thầu phải có văn bản thông báo cho chủ đầu tư.

2.4. Nhà thầu có trách nhiệm tham gia nghiệm thu công trình xây dựng khi có yêu cầu của chủ đầu tư.

2.5. Qua giám sát tác giả, nếu phát hiện hạng mục công trình, công trình xây dựng không đủ điều kiện nghiệm thu thì nhà thầu phải có văn bản gửi chủ đầu tư nêu rõ lý do từ chối nghiệm thu.

2.6. Trong quá trình thi công, nếu thiết kế không phù hợp, phải điều chỉnh lại so với thiết kế ban đầu, người giám sát tác giả của nhà thầu tư vấn có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị tư vấn khác và chủ đầu tư để điều chỉnh thiết kế.

Điều 7: Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn khảo sát.

1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm khảo sát xây dựng: Chất lượng sản phẩm khảo sát xây dựng phải phù hợp với nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt, tuân thủ các tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng được áp dụng.

2. Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng bao gồm:

a) Nội dung chủ yếu của nhiệm vụ khảo sát xây dựng;

b) Đặc điểm, quy mô, tính chất của công trình;

c) Vị trí và điều kiện tự nhiên của khu vực khảo sát xây dựng;

d) Tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng được áp dụng;

đ) Khối lượng khảo sát;

e) Quy trình, phương pháp và thiết bị khảo sát;

g) Phân tích số liệu, đánh giá kết quả khảo sát;

h) Đề xuất giải pháp kỹ thuật phục vụ cho việc thiết kế, thi công xây dựng công trình;

i) Kết luận và kiến nghị;

k) Tài liệu tham khảo;

l) Các phụ lục kèm theo.

3. Số lượng hồ sơ sản phẩm của Hợp đồng là 07 bộ.

Điều 8: Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn thiết kế xây dựng công trình.

1. Sản phẩm của Hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng công trình bao gồm: Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công, các bản vẽ và dự toán xây dựng công trình theo quy định của Nhà nước về thiết kế xây dựng công trình, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan, quy trình bảo trì công trình.

2. Phần thuyết minh của sản phẩm thiết kế gồm có các nội dung tính toán và làm rõ phương án lựa chọn kỹ thuật, dây chuyền công nghệ, lựa chọn thiết bị, so sánh các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật kiểm tra các số liệu và làm căn cứ thiết kế; các chỉ dẫn kỹ thuật; giải thích những nội dung mà bản vẽ thiết kế chưa thể hiện được, phù hợp với hồ sơ yêu cầu của chủ đầu tư đã đặt ra.

3. Bản vẽ phải thể hiện chi tiết các bộ phận của công trình, các kích thước, thông số kỹ thuật, vật liệu chính đảm bảo đủ điều kiện để thi công và lập dự toán xây dựng công trình.

4. Dự toán xây dựng công trình phải được lập phù hợp với thiết kế, các chế độ, chính sách quy định về lập và quản lý chi phí xây dựng công trình và mặt bằng giá xây dựng công trình.

5. Nhà thầu phải nêu rõ yêu cầu kỹ thuật cụ thể, tiêu chuẩn thiết kế, thi công, lắp đặt và nghiệm thu cho tất cả các loại vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình.

6. Nhà thầu không được tự ý chỉ định tên nhà sản xuất, nơi sản xuất, nhà cung ứng các loại vật tư, vật liệu, thiết bị trong hồ sơ thiết kế.

7. Số lượng hồ sơ sản phẩm của Hợp đồng là 07 bộ.

Điều 9: Nghiệm thu sản phẩm.

1.Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn khảo sát xây dựng:

a) Hợp đồng tư vấn xây dựng;

b) Nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng đã được chủ đầu tư phê duyệt;

c) Tiêu chuẩn khảo sát xây dựng được áp dụng;

d) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.

2. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm thiết kế bản vẽ thi công và dự toán:

a) Hợp đồng giao nhận thầu tư vấn xây dựng công trình;

b) Nhiệm vụ thiết kế, thiết kế các bước trước đó đã được phê duyệt;

c) Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng;

d) Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình gồm thuyết minh, bản vẽ thiết kế và dự toán xây dựng công trình.

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 2 lần.

- Lần 1: Sau khi nhà thầu hoàn thành công tác Lập nhiệm vụ, khảo sát xây dựng.

- Lần 2: Sau khi nhà thầu hoàn thành công tác lập thiết kế bản vẽ thi công – dự toán (Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng).

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Điều 10: Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng.

1. Tiến độ thực hiện Hợp đồng là **60 ngày** kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ *(thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng).*

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của nhà thầu.

Điều 11: Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán.

1. Giá hợp đồng: **1.509.000.000** đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm lẻ chín triệu đồng chẵn).*

- Loại Hợp đồng: Trọn gói.

- Giá trên là giá tạm tính, giá thanh toán sẽ được xác đinh sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Nội dung của giá Hợp đồng

Giá Hợp đồng bao gồm:

- Chi phí chuyên gia, chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí khác, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư.

- Chi phí khác có liên quan.

3. Giá hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của chủ đầu tư để xem xét các đề nghị của nhà thầu.

- Chi phí lấy ý kiến, thẩm tra, phê duyệt...

4. Tạm ứng: Không tạm ứng

5. Tiến độ thanh toán: Thanh toán 01 lần hoặc nhiều lần khi Nhà thầu hoàn thành các công việc theo nghĩa vụ trong Hợp đồng, được cấp có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình và trên cơ sơ kế hoạch vốn được giao.

- Trong vòng 14 ngày, kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu, trên cơ sở kế hoạch vốn được duyệt Bên A thanh toán cho Nhà thầu.

6. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

- Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng.

- Bảng tính đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá (đơn giá thanh toán) theo thỏa thuận trong hợp đồng

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng

- Bảng tính giá trị những công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có)

- Đề nghị thanh toán của nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản trên.

7. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

8. Hình thức thanh toán: Toàn bộ giá trị hợp đồng thanh, quyết toán theo hình thức chuyển khoản.

9. Giá trị thanh quyết toán: Các bên thống nhất giá trị thanh quyết toán như sau:

- Nếu khối lượng, giá trị thực hiện thực tế cao hơn khối lượng, giá trị theo Hợp đồng đã ký kết thì thanh quyết toán theo khối lượng, giá trị của Hợp đồng.

- Nếu khối lượng, giá trị thực hiện thực tế thấp hơn khối lượng, giá trị theo Hợp đồng đã ký kết thì thanh quyết toán theo khối lượng, giá trị thực tế thực hiện.

Điều 12: Điều chỉnh giá hợp đồng.

1. Trong quá trình thực hiện, nếu giá vật tư, nhiên liệu có biến động lớn hoặc khi nhà nước thay đổi chính sách về thuế, tiền lương ảnh hưởng lớn đến giá Hợp đồng nếu được Nhà nước cho phép điều chỉnh giá đối với hình thức Hợp đồng trọn gói thì các bên sẽ thương thảo lại cụ thể về điều chỉnh giá Hợp đồng theo đúng các quy định của Nhà nước tại thời điểm thực hiện.

2. Trường hợp Chủ đầu tư cắt giảm khối lượng công việc hoặc hạng mục thuộc phạm vi công việc phải thực hiện theo Hợp đồng đã ký kết thì giá Hợp đồng phải giảm tương ứng với phần giá trị khối lượng công việc không phải thực hiện.

3. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu gói thầu có kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; hoặc trong quá trình quyết toán, cơ quan kiểm toán, quyết toán có kết luận làm giảm trừ khối lượng, giá trị theo Hợp đồng thì bên nhận thầu đồng ý thương thảo cắt giảm khối lượng, giá trị tương ứng theo kết luận để đảm bảo quyền lợi của Chủ đầu tư và của Nhà nước.

4. Các trường hợp khác điều chỉnh theo quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

Điều 13: Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu.

1. Quyền của nhà thầu:

a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến tư vấn xây dựng.

b) Đề xuất các công việc chưa được chủ đầu tư đưa vào hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu hoặc thay đổi khi phát hiện yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.

c) Quyền tác giả đối với kết quả khảo sát công trình.

d) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư.

đ) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

e) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015.

2. Nghĩa vụ của nhà thầu:

a) Đảm bảo rằng tất cả các công việc nhà thầu thực hiện theo Hợp đồng này phải phù hợp với luật pháp của Việt Nam và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân sự của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

b) Thực hiện tư vấn xây dựng theo đúng nội dung và khối lượng công việc đã thoả thuận và tuân thủ các quy định về việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam.

c) Thực hiện và chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình. Sản phẩm tư vấn phải được các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực theo qui định của pháp luật thực hiện, mang lại hiệu quả và phù hợp với các yêu cầu của chủ đầu tư để hoàn thành Dự án. Nhà thầu sẽ luôn luôn ủng hộ, bảo vệ lợi ích và quyền lợi hợp pháp của chủ đầu tư.

d) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

đ) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn xây dựng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức.

e) Nhà thầu sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn.

f) Phải cam kết khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày hoàn thành và bàn giao công trình.

g) Tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

h) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư.

i) Tất cả sản phẩm cuối cùng khi bàn giao cho chủ đầu tư phải phù hợp với Hợp đồng, có đủ căn cứ pháp lý và được chủ đầu tư nghiệm thu. Sản phẩm giao nộp cuối cùng theo Hợp đồng sẽ là tài sản của chủ đầu tư.

j) Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư.

k) Nhà thầu không được tiết lộ bất kỳ thông tin bí mật hay độc quyền nào liên quan đến công việc tư vấn, Hợp đồng hay các hoạt động công việc của chủ đầu tư khi chưa được chủ đầu tư đồng ý và chấp thuận trước bằng văn bản.

l) Nhà thầu phải tự thu xếp phương tiện đi lại, chỗ ăn ở khi phải làm việc xa trụ sở của mình.

m) Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước chủ đầu tư về quan hệ giao dịch, thực hiện công việc và thanh toán, quyết toán theo Hợp đồng với chủ đầu tư.

n) Nhà thầu có trách nhiệm ký hợp đồng với nhà thầu phụ (nếu có) với đầy đủ Phụ lục công việc giao cho nhà thầu phụ theo đúng qui định của pháp luật hiện hành; Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng các công việc do nhà thầu phụ thực hiện.

h) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

g) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của Hợp đồng:

- Trong phạm vi kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của mình, nhà thầu phải thu thập các thông tin liên quan đến toàn bộ các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của nhà thầu theo Hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho nhà thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn được quy định trong Hợp đồng này.

- Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của nhà thầu để hoàn thành công việc tư vấn theo các điều khoản được quy định trong Hợp đồng này, nhà thầu đều phải chịu trách nhiệm.

q) Giám sát tác giả theo quy định.

r) Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của chủ đầu tư trong khoảng thời gian 07 ngày. Nếu trong khoảng thời gian này nhà thầu không có ý kiến thì coi như nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của chủ đầu tư.

Điều 14: Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư.

1. Quyền của chủ đầu tư:

a) Sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo Hợp đồng.

b) Không nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo Hợp đồng.

c) Kiểm tra công việc tư vấn của nhà thầu nếu thấy cần thiết.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn.

đ) Đình chỉ thực hiện hoặc yêu cầu chấm dứt hợp đồng theo quy định.

2. Nghĩa vụ của chủ đầu tư :

a) Tạo điều kiện tốt nhất có thể về giấy phép làm việc, thủ tục hải quan, thuế... để nhà thầu thực hiện công việc tư vấn.

b) Hướng dẫn nhà thầu về những nội dung liên quan đến Dự án và Hồ sơ yêu cầu; Tạo điều kiện để nhà thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.

c) Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của nhà thầu để nhà thầu thực hiện công việc tư vấn. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

d) Xem xét yêu cầu, đề xuất của nhà thầu liên quan đến thực hiện công việc tư vấn và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến

độ thực hiện tư vấn xây dựng.

đ) Thanh toán cho nhà thầu toàn bộ giá hợp đồng theo đúng các qui định được thoả thuận trong Hợp đồng này.

e) Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của nhà thầu trong khoản thời gian 10 ngày. Nếu trong khoảng thời gian này chủ đầu tư không có ý kiến thì coi như chủ đầu tư đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của nhà thầu.

f) Cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với nhà thầu.

Điều 15. Nhân lực của nhà thầu.

1. Nhân lực của nhà thầu phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được qui định.

2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho chủ đầu tư trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

3. Nhà thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận.

4. Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu.

1. Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép nhà thầu.

2. Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do nhà thầu thực hiện và cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

3. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 17. Bảo hiểm.

Nhà thầu phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo qui định.

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng.

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng. Các bên phải đánh giá các nguy cơ rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro, các phương án quản lý rủi ro của mình.

2. Bất khả kháng là sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh.

3. Bất khả kháng không bao gồm sự sơ xuất hoặc cố ý của một bên nào đó, hoặc bất kỳ sự cố nào mà một bên đã dự kiến được vào thời điểm ký kết Hợp đồng và tránh (hoặc khắc phục) trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

4. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm Hợp đồng trong trường hợp phát sinh từ sự kiện bất khả kháng với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng đã thực hiện các biện pháp đề phòng theo nội dụng của Hợp đồng này.

5. Các biện pháp thực hiện trong tình trạng bất khả kháng

a) Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiến hành các biện pháp để hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho bên kia biết sự kiện bất khả kháng vào thời gian sớm nhất và trong bất kỳ tình huống nào cũng không chậm hơn 03 ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra; cung cấp bằng chứng về bản chất và nguyên nhân, đồng thời thông báo việc khắc phục trở lại điều kiện bình thường vào thời gian sớm nhất.

b) Các bên sẽ thực hiện mọi biện pháp để giảm tối đa mức thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra.

c) Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, các bên sẽ gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của mình

d) Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một bên hoặc các bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kỳ, một bên sẽ gửi thông báo việc chấp dứt hợp đồng bằng văn bản cho bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực 10 ngày sau khi bên kia nhận được thông báo.

6. Thanh toán khi xảy ra bất khả kháng: Các khoản chi phí phát sinh hợp lý do nhà thầu phải chịu hậu quả bất khả kháng để phục hồi hoạt động được chủ đầu tư xem xét để thanh toán.

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng.

1. Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu, chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng.

1.Chấm dứt Hợp đồng bởi chủ đầu tư.

Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng, sau 10 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 7 ngày mà chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo tiến độ thực hiện tại hợp đồng này.

c) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của chủ đầu tư.

d) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

đ) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử.

e) Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.

f) Nhà thầu không tham dự các cuộc họp giải quyết các vướng mắc, sai sót trong sản phẩm của nhà thầu do Chủ đầu tư, đại diện Chủ đầu tư mời 03 lần liên tiếp.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 19.

h) Sau khi chấm dứt Hợp đồng, chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi nhà thầu

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho chủ đầu tư tối thiểu là 10 ngày trong các trường hợp: Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc hoặc công việc được giao.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

Điều 21. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng.

a) Thưởng hợp đồng: Trường hợp nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng sớm hơn so với thời hạn qui định trong Hợp đồng này, mang lại hiệu quả cho chủ đầu tư thì chủ đầu tư sẽ tạo điều kiện cho nhà thầu thực hiện các gói thầu khác của ngành.

b) Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với nhà thầu:

- Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng thì phạt 1% giá trị hợp đồng cho 03 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng phần bị vi phạm.

- Nếu vi phạm về chất lượng thì phạt 12% giá trị phần khối lượng vi phạm.

Điều 22. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp.

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng... ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thoả thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Toà án Nhân dân) theo qui định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Toà án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 23. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng.

1.Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của chủ đầu tư rằng nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo qui định của Hợp đồng, nhà thầu sẽ trình cho chủ đầu tư 07 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:.

a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.

b) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).

c) Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu.

Nếu chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

Sau khi hai bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho nhà thầu.

2.Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

Điều 24. Điều khoản chung.

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này có 16 trang và được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt, Chủ đầu tư giữ 06 bản, nhà thầu giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

BÊN NHẬN THẦU	**BÊN GIAO THẦU**
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM PHƯỚC	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
Nguyễn Hữu Diệp	**Nguyễn Văn Hùng**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Lộc Ninh, ngày 18 tháng 02 năm 2021

BIÊN BẢN SỐ 01/BBKS
NGHIỆM THU KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH

Dự án: Nâng cấp đường 13B từ ngã 3 Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16.

1. Đối tượng nghiệm thu: Hồ sơ khảo sát địa hình.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

a. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng huyện Lộc Ninh.

Ông : Nguyễn Văn Hùng — Chức vụ : Giám đốc.

Ông: ..... — Chức vụ : Cán bộ kỹ thuật.

b. Đại diện nhà thầu : Công ty TNHH tư vấn xây dựng Nam Phước.

Ông : Nguyễn Hữu Diệp — Chức vụ: Giám đốc.

Ông : ..... — Chức vụ : CBKT.

3. Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu: 08h00 ngày 18 tháng 02 năm 2021.
- Kết thúc: 11h00 ngày 18 tháng 02 năm 2021.
- Tại: Văn phòng Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Lộc Ninh.

4. Đánh giá báo cáo kết quả khảo sát xây dựng :

Hạng mục thực hiện	Đơn vị	Khối lượng
Đo khống chế cao. Thủy chuẩn hạng 4. Cấp địa hình III	km	17,1331
Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/1.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình III	100 ha	0,4112
Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình III	100m	171,3315
Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình III	100m	282,48

5. Tài liệu căn cứ và tiêu chuẩn áp dụng:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

Căn cứ Hợp đồng số 01/2021/HĐTV- KSTK ngày 09/02/2021 giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Lộc Ninh và Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Nam Phước về việc Thực hiện gói thầu Lập nhiệm vụ khảo sát, khảo sát, lập thiết

kế bản vẽ thi công – dự toán thuộc dự án: Nâng cấp đường 13B từ ngã 3 Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16.

Căn cứ hồ sơ báo cáo khảo sát do Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Nam Phước lập tháng 02 năm 2021.

b) Tiêu chuẩn được áp dụng:

- QCVN 07:2010/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia - Các công trình hạ tầng kĩ thuật đô thị.

- QCVN 03:2012/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về "Nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị".

- QCVN41:2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

- QCVN11:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao.

- TCVN 4054:2005 Đường ô tô – yêu cầu thiết kế.

- TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình. Yêu cầu chung.

- 96 TCN 43:1990 Quy phạm đo vẽ địa hình.

- 22TCN 263:2000 Quy trình khảo sát đường ôtô.

- 22TCN 262:2000 Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên nền đất yếu.

- 22 TCN211:06 Quy trình thiết kế áo đường mềm;

Và các quy trình, quy phạm hiện hành khác có liên quan…

6. Đánh giá hồ sơ Khảo sát địa hình:

-Về chất lượng hồ sơ Khảo sát địa hình: Đạt theo yêu cầu.

-Về số lượng, hình thức hồ sơ Khảo sát địa hình: 07 bộ, đạt yêu cầu.

-Các vấn đề khác (nếu có): Không.

7. Kết luận nghiệm thu:

- Chấp nhận nghiệm thu hồ sơ Khảo sát địa hình do Công ty TNHH tư vấn xây dựng Nam Phước lập tháng 02 năm 2021.

- Biên bản nghiệm thu được lập thành 08 bộ, Chủ đầu tưu giữ 06 và nhà thầu giữ 02 bộ có giá trị ngang nhau./.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM PHƯỚC	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
Nguyễn Hữu Diệp	**Nguyễn Văn Hùng**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lộc Ninh, ngày 26 tháng 02 năm 2021

BIÊN BẢN SỐ 02/BBTK
NGHIỆM THU HỒ SƠ THIẾT KẾ XÂY DỰNG

Dự án: Nâng cấp đường 13B từ ngã 3 Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16.

1. Đối tượng nghiệm thu: Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công – dự toán.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu

a. Chủ đầu tư: **Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Lộc Ninh.**

Ông : Nguyễn Văn Hùng — Chức vụ : Giám đốc.

Ông: ..... — Chức vụ : CBKT.

b. Đại diện nhà thầu: **Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Nam Phước.**

Ông : Nguyễn Hữu Diệp — Chức vụ: Giám đốc.

Ông : ..... — Chức vụ : CBKT.

3. Thời gian nghiệm thu

Bắt đầu: 8h00 ngày 26 tháng 02 năm 2021.

Kết thúc: 10h00 ngày 26 tháng 02 năm 2021.

Tại văn phòng Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Lộc Ninh.

4. Khối lượng công tác thiết kế

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

Căn cứ Hợp đồng số 01/2021/HĐTV- KSTK ngày 09/02/2021 giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Lộc Ninh và Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Nam Phước về việc Thực hiện gói thầu Lập nhiệm vụ khảo sát, khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công – dự toán thuộc dự án: Nâng cấp đường 13B từ ngã 3 Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16.

Căn cứ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công – dự toán do Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Nam Phước lập năm 2021.

b) Tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng:

** Tiêu chuẩn khảo sát.*

- Quy trình khảo sát đường ôtô 22TCN 263-2000;
- Quy trình đo vẽ địa hình theo tiêu chuẩn nghành 96TCN43-90;
- Quy trình khảo sát và tính toán thủy văn 22TCN220-95;

** Tiêu chuẩn thiết kế.*

- Tiêu chuẩn thiết kế đường ôtô TCVN 4054-2005;

- Tiêu chuẩn thiết kế áo đường mềm 22TCN211-06;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41 : 2019/BGTVT;

- Tiêu chuẩn thiết kế cầu cống theo trạng thái giới hạn 18 – 79;

** Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu.*

- Đối với lớp cấp phối tự nhiên : Theo TCVN 8857-2011 Lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên – vật liệu, thi công và nghiệm thu.

- Đối với mặt đường BTN nóng : Theo TCVN 8819 :2011 Mặt đường bê tông nhựa nóng – yêu cầu thi công và nghiệm thu và TCVN 8820 :2011 hỗn hợp bê tông nhựa nóng - thiết kế theo phương pháp Marshall.

- Đối với nhựa lỏng : Bộ TCVN 8818 (1-5) :2011 yêu cầu kỹ thuật về nhựa lỏng và các phương pháp thử.

- Đối với lớp cấp phối đá dăm: Theo Quy Trình Vật liệu, thi công và nghiệm thu TCVN 8859 :2011.

- TCVN 5574 :2018 " Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối- tiêu chuẩn thiết kế".

- TCVN 9115:2012 "Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép – Quy phạm thi công và nghiệm thu".

- TCVN 9116: 2012 "Cống hộp BTCT đúc sẵn – yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử".

- TCVN 9343:2012 "Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – hướng dẫn công tác bảo trì"

- TCVN 4447-2012 "Công tác đất – thi công và nghiệm thu"

- TCCS2 :2010/TCĐBVN "Tiêu chuẩn thi công cầu đường bộ–AASHTO LRFD".

- TCVN 9345:2012 "Kết cấu bê tông và BTCT – hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm".

- TCVN 8828:2011 "Bê tông – Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên".

- TCVN 9340:2012 "Hỗn hợp bê tông trộn sẵn – Yêu cầu cơ bản đánh giá chất lượng và nghiệm thu".

- TCVN 9343:2012 "Kết cấu bê tông và BTCT – Hướng dẫn công tác bảo trì".

- Vật tư thi công phải có phiếu kiểm nghiệm, mẫu thử phải có xác nhận của Tư vấn Giám sát.

Nước: Dùng nước sinh hoạt tại địa phương hoặc nước suối, giếng khoan tại công trường nhưng phải đáp ứng được tiêu chuẩn nước dùng cho bê tông theo đúng qui định hiện hành.

- Và các quy trình, quy phạm hiện hành khác có liên quan…

5. Đánh giá hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công – dự toán:

- Về chất lượng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công – dự toán đầu tư xây dựng công trình: Đạt theo yêu cầu.

- Về số lượng, hình thức hồ sơ Công trình đầu tư xây dựng công trình: 07 bộ, đạt yêu cầu.

- Các vấn đề khác (nếu có): Không.

6. Kết luận nghiệm thu:

- Chấp nhận nghiệm thu hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công – dự toán do Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Nam Phước lập năm 2021.

- Biên bản nghiệm thu này được lập thành 08 bản có giá trị ngang nhau, Chủ đầu tư giữ 06 bản, nhà thầu giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**
Nguyễn Hữu Diệp	**Nguyễn Văn Hùng**